

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp công bố, niêm yết
thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố sao gửi
UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, TH. **L**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Bông

QUY CHẾ

**Phối hợp công bố, niêm yết thủ tục hành chính
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND
ngày 6 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 48/2013/NĐ-CP) và Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BTP).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã); các tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện các hoạt động công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp công bố, niêm yết thủ tục hành chính

1. Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời giữa các ngành, các cấp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Các nội dung phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao của từng cơ quan, đơn vị và các quy định của pháp luật có liên quan nhằm phát huy tính chủ động, tích cực và đề cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn công bố, niêm yết thủ tục hành chính.

Chương II
CÔNG BỐ, NIÊM YẾT CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mục 1
CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 3. Mục đích, yêu cầu công bố thủ tục hành chính

1. Mục đích công bố thủ tục hành chính

Đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời các quy định thủ tục hành chính; tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính, góp phần phòng, chống tiêu cực, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu công bố thủ tục hành chính

a) Thủ tục hành chính phải được công bố dưới hình thức Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

b) Thủ tục hành chính được công bố phải đúng thẩm quyền, theo quy trình chặt chẽ, chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng thời hạn quy định.

c) Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có giá trị là văn bản gốc để các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, sử dụng làm cơ sở xây dựng quyết định công bố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để thực hiện trên địa bàn tỉnh.

d) Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải thống nhất với quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và đảm bảo bổ sung đầy đủ các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thẩm quyền và phạm vi công bố thủ tục hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Hà Giang (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

2. Phạm vi công bố thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Hình thức và nội dung Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định công bố thủ tục hành chính là hình thức văn bản cá biệt được quy định gián tiếp (*mẫu Quyết định công bố và Phụ lục kèm theo Quyết định công bố thủ tục hành chính có kèm theo Quy chế này*), kết cấu cụ thể như sau:

a) Quyết định;

b) Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ;

c) Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính (trong trường hợp công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) và các tài liệu

kèm theo (nếu có), gồm: mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; phí, lệ phí; mẫu kết quả thực hiện thủ tục hành chính; yêu cầu, điều kiện.

2. Nội dung của Quyết định công bố

a) Đối với thủ tục hành chính mới ban hành, nội dung công bố phải bao gồm đầy đủ các thông tin sau đây:

- Các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP;

- Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính;

- Địa điểm, thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

b) Đối với thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc công bố các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính, nội dung công bố phải xác định rõ bộ phận nào của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng cách in nghiêng và có ghi chú “Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế” ngay sau từng thủ tục; văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thủ tục hành chính.

c) Đối với thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ, nội dung công bố phải xác định rõ các thông tin sau đây:

- Tên thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ và số, ký hiệu hồ sơ thủ tục hành chính nếu thủ tục hành chính đã được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính.

Điều 6. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính

Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 (năm) ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố cụ thể như sau:

1. Trường hợp có bổ sung thủ tục hành chính hoặc bổ sung bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ vào Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung thủ tục hành chính hoặc bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính, hoàn thành dự thảo Quyết định công bố trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố; đồng thời gửi dự thảo Quyết định công bố đến Sở Tư pháp để kiểm soát chất lượng.

Hồ sơ dự thảo Quyết định công bố gửi để kiểm soát chất lượng, bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố;

- Dự thảo Tờ trình ban hành Quyết định công bố;

- Dự thảo Quyết định công bố kèm theo Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm soát về hình thức, nội dung dự thảo Quyết định công bố và gửi văn bản góp ý kiến trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo Quyết định công bố.

c) Cơ quan, đơn vị dự thảo Quyết định công bố tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý kiến của Sở Tư pháp.

Hồ sơ trình ký ban hành Quyết định công bố bao gồm:

- Tờ trình ban hành Quyết định công bố;
- Dự thảo Quyết định công bố kèm theo Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải ký tắt vào dự thảo Quyết định và các trang Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định.

2. Trường hợp thủ tục hành chính trong quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành và văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh không có quy định liên quan về thủ tục hành chính đã được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ công bố thì các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố; đồng thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố dưới hình thức “Bản sao y bản chính”; thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tổ chức ngay việc niêm yết thủ tục hành chính đã công bố.

3. Quyết định công bố sau khi ký ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc ký xác thực theo quy định tại khoản 2 Điều này được gửi đến Sở Tư pháp và gửi đến Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Bộ Tư pháp để theo dõi, quản lý; đồng thời công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Cách thức gửi Quyết định công bố thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Mục 2

NIÊM YẾT CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 7. Công khai thủ tục hành chính

Thông tin về thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này hoặc ký xác thực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này phải được công khai đầy đủ, thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, sử dụng và phải được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Điều 8. Yêu cầu của việc niêm yết công khai thủ tục hành chính

1. Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính phải được tổ chức thực hiện kịp thời, đảm bảo thủ tục hành chính được niêm yết đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành; không niêm yết các thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành.

2. Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ các thủ tục hành chính và bộ phận tạo thành thủ tục hành chính theo Quyết định công bố, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời có cơ sở, điều kiện để thực hiện quyền giám sát quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức nhà nước.

3. Trong trường hợp các thủ tục hành chính được niêm yết công khai có mẫu đơn, mẫu tờ khai thì các mẫu đơn, mẫu tờ khai phải được đính kèm ngay sau thủ tục hành chính; bản giấy thủ tục hành chính được niêm yết công khai phải bảo đảm không bị hư hỏng, rách nát, hoen ố.

Điều 9. Hình thức niêm yết công khai thủ tục hành chính

1. Niêm yết công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thống nhất như sau:

a) Hình thức công khai bắt buộc:

- Đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

- Niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

b) Hình thức công khai khác:

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản có quy định về thủ tục hành chính và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các hình thức khác.

2. Cách thức niêm yết công khai thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC PHỐI HỢP CÔNG BỐ, NIÊM YẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Hà Giang để thống kê, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kịp thời các thủ tục hành chính theo đúng quy định;

b) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành Quyết định công bố, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác các nội dung thông tin thủ tục hành chính, hồ sơ trình công bố thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị mình.

c) Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tại các đơn vị chuyên môn thuộc và trực thuộc theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan trong việc rà soát, cập nhật, thống kê các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh để kịp thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính theo quy định.

b) Kiểm soát về hình thức, nội dung dự thảo Quyết định công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này. Trường hợp hồ sơ dự thảo Quyết định công bố gửi để kiểm soát chất lượng chưa bảo đảm yêu cầu theo quy định của pháp luật, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan, đơn vị dự thảo bổ sung thông tin liên quan, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

c) Thực hiện việc nhập dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ văn bản có liên quan (nếu có) đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ văn bản đã nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Có văn bản gửi Bộ Tư pháp đề nghị công khai hoặc không công khai hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

d) Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Giang, Cổng thông tin điện tử của tỉnh dành thời lượng phù hợp để thông tin, tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về tình hình công bố, niêm yết công khai thủ tục hành chính tại địa phương.

đ) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để có biện pháp cần thiết chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với những cơ quan, đơn vị không thực hiện đúng các quy định về công bố, niêm yết công khai thủ tục hành chính theo quy định.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã

a) Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã chưa được công bố hoặc đã được công bố nhưng chưa đúng theo quy định, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để chỉ đạo các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, cập nhật và thực hiện thống kê để kịp thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công bố thủ tục hành chính theo đúng quy định.

b) Thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

c) Tổ chức quán triệt cho cán bộ, công chức thực hiện nghiêm các thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết đã được công bố; thường xuyên kiểm tra việc niêm yết công khai thủ tục hành chính, tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương mình; tuyên truyền, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương về thủ tục hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật

quy định về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết để Nhân dân biết, thực hiện.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm của các ngành, các cấp

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai, tổ chức, thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc công bố, niêm yết công khai thủ tục hành chính và việc thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc công bố, niêm yết công khai thủ tục hành chính và việc thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị trực thuộc và tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Việc triển khai thực hiện đúng quy định về công bố, niêm yết công khai thủ tục hành chính theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan là một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quy trình xét thi đua, khen thưởng.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đàm Văn Bông

PHỤ LỤC
MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Kèm theo Quy chế phối hợp công bố, niêm thủ tục hành chính
trên địa bàn tỉnh Hà Giang)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND
cấp xã tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở X và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày (*đúng vào ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định chi tiết về TTHC có hiệu lực thi hành*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH HÀ GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục a
2	Thủ tục b
n
II. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục c
2	Thủ tục d
n

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n		
II. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục c	
2		Thủ tục d	
n		

Chú thích:

- (1) Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính) của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
- (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n		
II. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục c	
2		Thủ tục d	
n		

Chú thích:

- (1) Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính) của thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ.
- (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của văn bản quy phạm pháp luật quy định việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính.

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/ UBND CẤP XÃ TỈNH HÀ GIANG

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

I. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)*

- Cách thức thực hiện:

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thời hạn giải quyết:

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Lệ phí (nếu có):

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a)*:

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

n. Thủ tục n

II. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục c

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)*

- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
- Lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục c)*:
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

n. Thủ tục n

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

...

Lưu ý:

- Đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc nêu rõ thông tin trên, phải xác định rõ bộ phận nào của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế *(bằng cách in nghiêng và có ghi chú: "Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế" ngay sau từng thủ tục)*.

- Đối với những thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ, không phải thống kê theo nội dung nêu trên nhưng phải xác định rõ tên thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ. Trường hợp thủ tục hành chính đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Quyết định công bố phải ghi rõ số hồ sơ của hồ sơ TTHC, văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính.